

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 01 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Trịnh Trung Tuyển

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025;

Đối với các bị cáo:

1. **Lê Thế N**, sinh ngày 25/5/1984 tại: phường Đ (phường Đ, thành phố T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038084001125; Nơi cư trú: Khu phố T, phường Đ (phường Đ, thành phố T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thế K và bà Đào Thị L; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án:

- Ngày 17/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 42 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng. Ngày 16/02/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm, xử phạt 36 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, hình phạt bổ sung giữ nguyên. Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/5/2015; Chấp hành xong án phí và tiền phạt ngày 11/5/2022.

- Ngày 30/8/2022 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 20 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 12/5/2024. Chấp hành xong án phí ngày 01/02/2023.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 10/6/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”.

- Ngày 09/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

- Ngày 16/4/2021 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 08/6/2021 đã nộp xong tiền phạt.

Hiện Bị cáo đang bị bắt và tạm giam tại Phân trại Tạm giam khu vực thành phố T – Công an tỉnh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Lệnh tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Có mặt.

2. **Nguyễn Hữu N1**, sinh ngày 20/9/1991 tại: Xã S (Thị trấn S, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038091048583; Nơi cư trú: Khu phố B, xã S (thị trấn S, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T và bà Phùng Thị L1; Có vợ là Đỗ Thị Hà N2 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 31/12/2024, chuyển tạm giam từ ngày 09/01/2025 đến nay tại Phân trại Tạm giam khu vực T – Công an tỉnh T; Có mặt.

3. **Nguyễn Khắc N3**, sinh ngày 02/3/1987 tại: Xã T (xã N, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038087006039; Nơi cư trú: Thôn H, xã T (xã N, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc G (đã chết) và bà Hoàng Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị D và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 01/01/2025, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến nay tại Phân trại Tạm giam khu vực T – Công an tỉnh T; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Trịnh Thị C, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Hoàng Thị H, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/12/2024 Tổ tuần tra 282 Công an huyện T phối hợp cùng Công an thị trấn S, huyện T tiến hành tuần tra, kiểm soát tại khu

vực thị trấn S, huyện T. Khi tổ công tác đến Trạm y tế S thuộc khu B, thị trấn S (nay là xã S) thì phát hiện một nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn đang đứng bên đường phía trước Trạm y tế. Tổ tuần tra tiến hành kiểm tra phát hiện trong túi quần bên phải phía sau của nam thanh niên có cất giữ một gói ni long màu đen, bọc kín. Mở ra kiểm tra gói ni long phát hiện bên trong là lớp giấy màu trắng có dòng kẻ, có chứa cục vụn màu trắng ngà. Người thanh niên khai báo tên là Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1991 trú tại khu phố B, thị trấn S, huyện T (nay là xã S). Nguyễn Hữu N4 khai nhận gói nilon màu đen chứa cục vụn màu trắng ngà là ma túy dạng heroin của N4 cất giữ.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 gói nhỏ bằng nilon màu đen bên trong là lớp giấy màu trắng có dòng kẻ chứa cục vụn màu trắng ngà của Nguyễn Hữu N1 bỏ vào trong phong bì niêm phong ký hiệu “Ma túy của Nguyễn Hữu N1” và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Redimi10 màu xanh ngọc lấp sim số 0911.928.991, số Imei1: 861329057795867, số Imei2: 861329057795875 điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Hữu N1.

- Biên bản khám xét hồi 21h ngày 31/12/2024 tại nhà Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1991 trú tại khu B, thị trấn S, huyện T (nay là xã S): Không thu giữ gì.

- Hồi 23h00 ngày 31/12/2024 Nguyễn Khắc N3 đến Công an xã N, huyện T đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

- Biên bản khám xét hồi 00h00 ngày 01/01/2025 tại chỗ ở Nguyễn Khắc N3, sinh năm 1987 ở thôn H, xã N, huyện T (nay là xã T) thu giữ: 01 điện thoại Iphone 13 ProMax màu vàng đồng, số I: 354786254011980, gắn sim số 0369.972.768 điện thoại đã qua sử dụng thu giữ tại phòng khách; 01 gói giấy vệ sinh bên trong có 01 gói giấy màu trắng chứa chất bột màu trắng dạng cục vụn, thu giữ bên trong hộp thuốc nhà Nguyễn Khắc N3 bỏ vào trong phong bì niêm phong ký hiệu “MN” ; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford màu sơn vàng ghi, số khung MNCDMFF80FW308096, số máy: P4AT1209581, biển kiểm soát 36C-436.33 xe đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe ô tô số 36 000575 mang tên Nguyễn Khắc N3, biển kiểm soát 36C-436.33, số khung MNCDMFF80FW308096, số máy: P4AT1209581.

Quá trình điều tra thể hiện:

Sáng 31/12/2024 Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1991 ở khu phố B, thị trấn S, huyện T (nay là xã S), tỉnh Thanh Hóa sử dụng số thuê bao 0911.928.991 để gọi đến số thuê bao 0369.972.768 của Nguyễn Khắc N3, sinh năm 1987 ở xã N, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa rủ Khắc N3 đi mua ma túy thì Khắc N3 đồng ý. Do Hữu N1 và Khắc N3 đều biết Lê Thế N, sinh năm 1984 trú tại phường Đ, thành phố T (nay là phường Đ) có thể mua được ma túy nên Hữu N1 nói để Hữu N1 gọi cho Thế N qua số thuê bao 0978.305.901 và số thuê bao 0984.543.116 để nhờ mua ma túy. Một lúc sau Hữu N1 gọi điện thoại lại cho Khắc N3 nói chưa liên lạc được

với Thế N. Đến khoảng 13h ngày 31/12/2024 Hữu N1 sử dụng mạng xã hội Z gọi đến tài khoản Zalo của Khắc N3 tên “Nam Dung” nói Khắc N3 xuống cây xăng vòng xuyên thị trấn S, huyện T (nay là xã S) đón Hữu N1 đi xuống nhà T. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày Khắc N3 điều khiển xe ô tô bán tải Ford Range màu ghi vàng biển kiểm soát 36C-436.33 đến đón Hữu N1 tại cây xăng vòng xuyên. Sau khi lên xe thì Hữu N1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 36C-436.33 chở Khắc N3 đi xuống nhà T, trên đường Đ và H thống nhất với nhau sẽ liên hệ với Thế N nhờ Thế N mua 04 gói ma túy (loại Heroine). Lúc này Khắc N3 đã sử dụng điện thoại iPhone 13 pro Max lắp số thuê bao 0369.972.768 gọi điện thoại đến số thuê bao 0978.305.901 của T thì Thế N nghe máy. Khắc Nam nhờ Thế N mua hộ 04 gói ma túy (H) thì Thế N đồng ý và nói 04 gói ma túy có giá 600.000 đồng/ 01 gói, tổng 04 gói hết 2.400.000 đồng, Thế N yêu cầu cho Thế N một ít ma túy để sử dụng và 400.000 đồng tiền công, tổng là 2.800.000 đồng thì Hữu N1 và Khắc N3 đồng ý. Hữu Nam và Khắc N3 đồng ý thống nhất với nhau, Hữu N1 góp 2.000.000 đồng, Khắc N3 góp 800.000 đồng, nhưng do chưa có tiền bỏ ra mua ma túy nên Khắc N3 bỏ tiền ra thanh toán rồi Hữu N1 đưa cho Khắc N3 sau. Sau đó Khắc N3 sử dụng tài khoản ngân hàng M số tài khoản 0369.972.768 chuyển cho Lê Thế N số tiền 2.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M số 2666668699999 của Lê Thế N nhờ mua ma túy và trả tiền công.

Khi Hữu N1 và Khắc N3 điều khiển xe ô tô đến nhà T ở phường Đ, thành phố T đón Thế N lên xe ô tô để đi mua ma túy, Thế N chỉ đường đến khu vực chợ P, thành phố T để mua ma túy. Trên đường đi T gọi điện cho một người tên là “Hùng T1” để hỏi mua ma túy. Đi đến khu vực gần cổng chợ P thì Khắc N3 và Hữu N1 ngồi trên xe ô tô, còn Thế N xuống xe nhặt 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long có ma túy do người có tên “Hùng T1” để từ trước, rồi Thế N quay lại xe ô tô mà Hữu N1 và Khắc N3 đang đợi, khi lên xe Thế Nam đưa cho Khắc N3 01 vỏ bao thuốc lá T, K mở ra bên trong có 01 gói giấy ăn màu trắng, mở giấy ăn ra có 04 gói nilon màu đen chứa ma túy (loại Heroine). Khắc Nam đưa ½ gói ma túy cho Thế N để trả công và chở Thế N về nhà. Còn Khắc N3 và Hữu N1 điều khiển xe ô tô đi về nhà, trên đường đi H và Khắc N3 chia ma túy cho nhau, Khắc Nam một gói ma túy nguyên và ½ gói ma túy còn lại sau khi chia cho Thế N, H 02 gói ma túy nguyên.

Ngày 01/01/2025 Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-ĐCSHS, KT, MT giám định mẫu vật gửi giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu “MN” và “Ma túy của Nguyễn Hữu N1” có phải là ma túy không? Loại chất ma túy gì? Khối lượng bao nhiêu?

Ngày 06/01/2025 Phòng K1 Công an tỉnh T có kết luận giám định số 279/KL-KTHS, kết luận:

+ Chất bột màu trắng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu “MN” gửi giám định có tổng khối lượng 0,045g. Qua giám định không tìm thấy chất ma túy.

+ Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu “Ma túy của Nguyễn Hữu N1” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,167g loại: Heroine.

Quá trình điều tra, xác định: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu ghi vàng, biển kiểm soát 36C-436.33, số máy P4AT1209581; Số khung: MNCDMFF80FW308096; 01 đăng ký xe ô tô số 36 000575 mang tên Nguyễn Khắc N3, biển số 36C-436.33, số máy P4AT1209581; Số khung: MNCDMFF80FW308096 là tài sản, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ Nguyễn Khắc N3). Việc Nguyễn Khắc N3 sử dụng chiếc xe trên để đi đâu làm gì thì bà Hoàng Thị H không biết. Bản thân bà Hoàng Thị H không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Khắc N3. Đồng thời bà Hoàng Thị H có đơn xin lại tài sản. Tiến hành tra cứu xe vật chứng, xác định chiếc nói trên không có trong danh sách xe vật chứng của các vụ án khác. Vì vậy, ngày 24/01/2025 Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Thanh Hoá trả lại tài sản nói trên cho bà Hoàng Thị H theo quy định.

Đối với điện thoại, số thuê bao 0978.305.901 và số thuê bao 0984.543.116 của Lê Thế N sử dụng để nhận cuộc gọi từ Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 nhờ Thế Nam mua hộ ma túy, thì Thế N đã đánh mất khi đang ở Hà Nội, nên không thu giữ được. Thẻ ngân hàng TMCP Q số tài khoản 2666668699999 của Lê Thế N sử dụng để nhận tiền do Khắc N3 chuyển đến nhờ Thế N mua hộ ma túy, T đã đánh mất khi đang ở Hà Nội, nên không thu giữ được.

Vật chứng của vụ án hiện đang quản lý theo quy định gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, có các chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Nguyễn Đình Đ1 và có đóng các hình dấu của Phòng K1 - Công an tỉnh T, bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong của 02 (hai) phong bì 0,029g (không phải không hai chín gam) chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì ký hiệu “MN”; 0,137g (không phải một ba bảy gam) các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu “Ma túy của Nguyễn Hữu N1”.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0369.972.768, số imei 354786254011980. Điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Redmi 10 màu xanh, số imei 1: 861329057795875, imei 2: 861329057795867, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0911.928.991. Điện thoại đã qua sử dụng.

Tình tiết khác liên quan vụ án:

Quá trình điều tra Lê Thế N khai nguồn gốc ma túy là mua của một người tên là “Hùng T1”, dáng người cao to, da đen, đi chân thắp chân cao ở khu vực chợ P, phường P, thành phố T (nay là phường H). Tuy nhiên qua lời khai và biên bản xác minh tại Công an phường P, thành phố T (nay là phường H) không xác định được người có tên “Hùng T1” như N khai, nên không có căn cứ xác định được người bán ma túy cho Lê Thế N.

Đối với số thuê bao số 0978.305.901 do Lê Thế N sử dụng, quá trình điều tra xác định chủ thuê bao số 0978.305.901 là do bà Trịnh Thị C, sinh năm 1964 trú thôn Đ, xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Thanh Hóa đứng tên chủ thuê bao. Quá trình làm việc với bà C thể hiện bà C không đăng ký, sử dụng số thuê bao 0978.305.901 và bà cũng không cho ai mượn, thuê, bán thông tin cá nhân của bà để đăng ký sử dụng số thuê bao nêu trên, nên không có căn cứ xử lý đối với bà Trịnh Thị C.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSTX ngày 02/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa) truy tố: Bị cáo Lê Thế N về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Thế N phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Khắc N3 từ 13 tháng đến 16 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 từ 16 tháng đến 19 tháng tù.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị tuyên phạt bị cáo Lê Thế N từ 05 năm 03 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu và tiêu hủy đối với: 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, có các chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Nguyễn Đình Đ1 và có đóng các hình dấu của Phòng K1 - Công an tỉnh T, bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong của 02 (hai) phong bì 0,029g (không phải không hai chín gam) chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì ký hiệu “MN”; 0,137g (không phải một ba bảy gam) các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu “Ma túy của Nguyễn Hữu N1” và 01 Thẻ sim số thuê bao 0369.972.768; 01 thẻ sim số thuê bao 0911.928.991.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, số imei 354786254011980 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Redmi 10 màu xanh, số imei 1: 861329057795875, imei 2: 861329057795867.

Áp dụng biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng của Lê Thế N, là tiền mua hộ ma túy cho Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 mà có.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đều có ý kiến xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định, Dữ liệu điện tử, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 31/12/2024 tại thị trấn S, huyện T (nay là xã S), tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Hữu N1 điện thoại rủ Nguyễn Khắc N3 cùng đi mua ma túy về sử dụng, thì Khắc N3 đồng ý. Do Hữu N1 và Khắc N3 đều quen từ trước và biết Lê Thế N

có thể mua được ma túy, nên Khắc N3 gọi điện thoại nhờ Thế N mua hộ 04 gói ma túy, được Thế N đồng ý. Hai bên thống nhất 04 gói ma túy có giá 2.400.000 đồng, trả công cho Thế N 400.000 đồng và một ít ma túy để sử dụng, tổng số tiền là 2.800.000 đồng. Hữu Nam và Khắc N3 thống nhất với nhau Hữu Nam góp 2.000.000 đồng, Khắc N3 góp 800.000 đồng. Sau đó, Khắc N3 đi xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger biển kiểm soát 36C-436.33 đến thị trấn S, huyện T (nay là xã S) đón H đi thành phố T đón T. Do Hữu Nam chưa có tiền, nên Khắc N3 đã chuyển toàn bộ số tiền 2.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Thế N theo yêu cầu của T. Tại thành phố T, T đã đi mua và đưa 04 gói ma túy (loại Heroine) cho Khắc N3, thì được Khắc N3 đưa lại cho Thế N $\frac{1}{2}$ gói ma túy. Số ma túy còn lại Khắc N3 lấy một gói ma túy nguyên và $\frac{1}{2}$ gói ma túy còn lại sau khi chia cho Thế N; Hữu N1 lấy 02 gói ma túy nguyên. Số ma túy được chia Thế N và Khắc N3 đã tự mình sử dụng hết khi đem về nhà. Trong số ma túy H được chia, Hữu N1 đã sử dụng hết 01 gói ma túy, còn lại 01 gói đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/12/2024, khi Hữu N1 đem ra khu vực trạm y tế S, thuộc khu B, thị trấn S, huyện T (nay là xã S) để sử dụng, thì bị lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ 01 gói ma túy, loại Heroine, với khối lượng 0,167gam. Heroin là chất ma túy nằm trong danh mục IA, số thứ tự 09 thuộc Nghị định 73/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Thế N: Bị cáo Lê Thế N mua hộ ma túy cho các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 chỉ với mục đích là để được trả công và được cho lại ít ma túy để sử dụng, nên bị cáo Lê Thế N đồng phạm với các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 về hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặt khác, do bị cáo Lê Thế N đang có 02 tiền án, cụ thể: Ngày 16/02/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm, xử phạt 36 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản"; Ngày 30/8/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 20 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy", tại bản án có áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm". Vì vậy lần phạm tội này, bị cáo Lê Thế N thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Do đó, hành vi của bị cáo Lê Thế N phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất

ma túy. Đây là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo đều nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Vụ án không có tính tổ chức, mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó: Bị cáo Hữu N1 và Khắc N3 thống nhất góp tiền nhờ mua ma túy sử dụng chung, nên cùng phải chịu trách nhiệm về tổng trọng lượng chất ma túy tàng trữ trái phép, bị cáo Hữu N1 góp 2.000.000 đồng, bị cáo Khắc N3 góp 800.000 đồng để mua ma túy, nên bị cáo Hữu N1 phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo Khắc N3. Bị cáo Thế N mua hộ ma túy cho bị cáo Hữu N1 và K để được trả công nên đồng phạm ở vai trò giúp sức, tuy nhiên do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải chịu trách nhiệm ở khung hình phạt cao hơn so với khung hình phạt áp dụng với bị cáo Hữu N1 và K.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Lê Thế N đã 04 lần bị Tòa án kết án và 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính, mặc dù bị cáo đều đã chấp hành xong, tuy nhiên bị cáo đang phải chịu 02 tiền án. Các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 lần đầu phạm tội và chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thế N phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng do đã áp dụng làm tình tiết định khung đối với bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Khắc N3 đều đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Khắc N3 ra đầu thú và có bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương chiến công, Huân chương chiến sỹ vẻ vang và kỷ niệm chương cừu chiến binh..., nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Khắc N3 bằng hình phạt tù, mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với thời gian các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 đã bị tạm giữ, tạm giam sẽ được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Đối với bị cáo Lê Thế N đang bị tạm

giám trong vụ án khác, nên thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo sẽ tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Khắc N3 đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về số tiền do phạm tội mà có: Bị cáo Lê Thế N mua hộ ma túy cho các bị cáo Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 và được trả công 400.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có, nên cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Về vật chứng vụ án:

- Cần tịch thu, tiêu hủy đối với vật cấm tàng trữ, lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng, gồm: 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, có các chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Nguyễn Đình Đ1 và có đóng các hình dấu của Phòng K1 - Công an tỉnh T, bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong của 02 (hai) phong bì 0,029g (không phải không hai chín gam) chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì ký hiệu “MN”; 0,137g (không phải một ba bảy gam) các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu “Ma túy của Nguyễn Hữu N1” và 01 Thẻ sim số thuê bao 0369.972.768; 01 thẻ sim số thuê bao 0911.928.991.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với các phương tiện, liên quan tội phạm, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, số imei 354786254011980 thu của Nguyễn Khắc N3;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Redmi 10 màu xanh, số imei 1: 861329057795875, imei 2: 861329057795867, thu của Nguyễn Hữu N1.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[12] Về tình tiết liên quan vụ án:

Quá trình điều tra Lê Thế N khai nguồn gốc ma túy là mua của một người tên là “Hùng T1”, dáng người cao to, da đen, đi chân thấp chân cao ở khu vực chợ P, phường P, thành phố T (nay là phường H). Tuy nhiên quá trình điều tra không có cơ sở xác định được người có tên “Hùng T1”, nên không có căn cứ xác định được người bán ma túy cho Lê Thế N.

Đối với số thuê bao số 0978.305.901 do Lê Thế N sử dụng, quá trình điều tra xác định chủ thuê bao số 0978.305.901 là do bà Trịnh Thị C, sinh năm 1964 trú thôn Đ, xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Thanh Hóa đứng tên chủ thuê bao. Quá trình làm việc với bà C thể hiện bà C không đăng ký, sử dụng số thuê bao 0978.305.901 và bà cũng không cho ai mượn, thuê, bán thông tin cá nhân của bà để đăng ký sử dụng số thuê bao nêu trên, nên không có căn cứ xử lý đối với bà Trịnh Thị C.

[13] Về án phí: Các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Lê Thế N;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Hữu N1;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Khắc N3;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Lê Thế N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc N3 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2025.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu bị cáo Lê Thế N 400.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, có các chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Nguyễn Đình Đ1 và có đóng các hình dấu của Phòng K1 - Công an tỉnh T, bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong của 02 (hai) phong bì 0,029g (không phải không hai chín gam) chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì ký hiệu “MN”; 0,137g (không phải một ba bảy gam) các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu “Ma túy của Nguyễn Hữu N1” và 01 Thẻ sim số thuê bao 0369.972.768; 01 thẻ sim số thuê bao 0911.928.991.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, số imei 354786254011980;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Redmi 10 màu xanh, số imei 1: 861329057795875, imei 2: 861329057795867.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thanh Hóa), hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 35 ngày 03/6/2025.

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Thế N, Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Khắc N3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 8 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến